

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 29/8/2023

“V/v tranh chấp

Hợp đồng xây dựng”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền và bà Lưu Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 01/3/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Văn S trình bày:***

Ngày 14/10/2021, ông Ngô Văn S có thuê ông Hoàng Văn H thi công xây dựng công trình (nhà ở) cho gia đình ông S, gồm: Nhà ở kiêm phòng khám y học cổ truyền tổng diện tích khoảng 130m²; Lát gạch men sân trước nhà khoảng 14m²; Hàm rút và bể phốt kèm ống thông hơi và một số hạng mục khác như: Nhà tắm, nhà vệ sinh ... Tổng tiền công ông H dự tính là 105.250.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi phí mua vật liệu xây dựng do ông Ngô Văn S thực hiện. Việc thỏa thuận thi công xây dựng nhà các bên chỉ nói bằng miệng và ông H có viết cho

ông Ngô Văn S một bản dự toán chi phí xây dựng. Khi ông H thi công xong, ông Ngô Văn S kiểm tra phát hiện toàn bộ diện tích nền nhà ($130m^2$) không cứng cáp (rông bộp). Ông Ngô Văn S đã yêu cầu ông H sửa chữa toàn bộ nền nhà cho ông S nhưng ông H không thực hiện. Sau đó ông H còn cho người đến đập phá tài sản, ông Ngô Văn S đã trình báo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Còn lại $120m^2$ nền gạch men như sau: Tiền công tháo dỡ và thi công lại: 21.000.000 đồng; Tiền mua gạch men: 15.000.000 đồng; Tiền cát: 4.700.000 đồng; Tiền xi măng: 10.000.000 đồng. Tổng số tiền 50.700.000 đồng. Ngoài ra hàm rút bê phốt không có ống thông hơi buộc phải sửa chữa lắp ống thông hơi, chi phí khoảng 5.000.000 đồng.

Vì vậy, ông Ngô Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền 55.700.000 đồng do việc thi công công trình không đúng thỏa thuận, không sử dụng được.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:**

Ông Hoàng Văn H không đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S về việc yêu cầu ông H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 55.700.000 đồng về việc thi công không đúng thỏa thuận. Bởi vì: Ông S thuê ông H xây nhà không có hợp đồng bằng văn bản, tất cả mọi việc đều thỏa thuận miệng, giá hai bên thỏa thuận là 600.000 đồng/ $01m^2$; Tại thời điểm ông H làm công cho ông S chưa có bản vẽ thiết kế cụ thể. Toàn bộ vật liệu bao gồm: gạch, đá, cát, xi măng, sắt thép và nhiều vật liệu khác là do ông S trực tiếp đi mua. Quá trình xây dựng ông S là người giám sát ông H và thợ xây chỉ làm theo yêu cầu của ông S. Khi kết thúc công trình không có văn bản nghiệm thu (ông S là người đứng ra nghiệm thu). Ông S nói công trình không đi vào sử dụng được là sai S thật vì từ ngày 22/01/2022 gia đình ông S đã chuyển tất cả các đồ đạc, vật dụng của gia đình ông S vào ở ổn định và hoạt động kinh doanh bắt mạch chữa bệnh trong căn nhà đã hơn 01 (một) năm.

Việc công trình hư hỏng hay không đảm bảo không phải do lỗi của ông H mà do nhiều nguyên nhân khách quan khác như: Xi, cát không đảm bảo cũng ảnh hưởng đến kết cấu; Gạch không đạt chất lượng cũng ảnh hưởng đến việc rộng bộp, cong vênh. Mặt khác, trong quá trình thi công, ông H đã tư vấn cho ông S về trộn hồ và các chi tiết khác đúng kỹ thuật nhưng ông S không nghe theo mà ông S bắt ông H và thợ của ông H làm theo ý kiến của cá nhân ông S. Ví dụ: Lát nền mác 100, bề mặt láng hồ dầu mới đúng kỹ thuật nhưng ông S yêu cầu làm mác 50, tỷ lệ trộn hồ lát nền là: 01 bao xi măng trộn với $0,3m^3$ cát, nhưng ông S yêu cầu trộn 01 bao xi măng với $0,4m^3$ cát.

Quá trình thi công, ông H là người làm công nên nghe và làm theo S chỉ đạo và điều hành của chủ nhà ông S. Số tiền 105.000.000 đồng là tổng số tiền công theo thỏa thuận giữa hai bên. Ông S mới chỉ trả cho ông H: 53.000.000 đồng. Số tiền công còn lại ông S nợ ông H là: 52.000.000 đồng khi công trình hoàn thiện gia đình ông S chuyển vào ở nhưng không chịu thanh toán số tiền còn lại mà lấy nhiều lí do khác nhau để gây khó dễ cho ông H. Vì vậy, ông H đã khởi kiện đến Tòa án

nhân dân huyện Buôn Đôn và được Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện, ông S kháng cáo nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S và chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông H, buộc gia đình ông Ngô Văn S phải thanh toán cho vợ chồng ông H số tiền: 41.900.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ngày 21/12/2022, ông H đã đồng ý chi trả cho ông S: 1.000.000 đồng tiền sửa la phòng; 700.000 đồng tiền máng nước; 8.400.000 đồng tiền điều trị cho mẹ ông H và 2.000.000 đồng tiền lắp ống thông hơi bể phốt.

Vậy số tiền còn lại là: 39.900.000 đồng đến nay vợ chồng ông S vẫn chưa trả cho vợ chồng ông H. Do đó ông H không đồng ý toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Ngô Văn S.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà Nguyễn Thị H với ông Ngô Văn S là vợ chồng, bà Nguyễn Thị H thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ngô Văn S.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2023 và biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2023 xác định như sau:

- 37 viên gạch men Ceramic (kích thước 60 x 60cm) = $37 \times 0,36m^2/viên = 13,32m^2$. Tiền mua gạch: $13,32m^2 \times 125.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.665.000 \text{ đồng}$.

- Tiền mua xi măng (loại xi măng Hà Tiên) sử dụng để lát 37 viên gạch là: 04 bao/50kg/bao. Đơn giá: 105.000 đồng/bao x 04 bao = 420.000 đồng.

- Tiền mua cát sử dụng để lát 37 viên gạch là $0,5m^3$ cát, đơn giá: 350.000 đồng = $0,5m^3 \times 350.000 \text{ đồng}/m^3 = 175.000 \text{ đồng}$.

- Tiền công trung bình lát gạch tại địa phương có giá 80.000 đồng/ $m^2 = 13,32m^2 \times 80.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.065.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản để sửa chữa 37 viên gạch men Ceramic (kích thước 60 x 60cm) bị rỗng ộp có tổng giá trị như sau: Tiền gạch + Tiền xi măng + Tiền cát + Tiền công = 1.665.000 đồng + 420.000 đồng + 175.000 đồng + 1.065.000 đồng = 3.325.000 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Văn S tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 5.000.000 đồng về chi phí sửa chữa, lắp đặt ống thông hơi bể phốt và buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 50.700.000 đồng do việc thi công công trình không đúng thỏa thuận, không sử dụng được.

Bị đơn ông Hoàng Văn H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 419, Điều 513, Điều 514, Điều 516, Điều 517 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S.

- Buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản cần sửa chữa đối với 37 viên gạch lát nền nhà bị hư hỏng, rỗng ộp tương ứng với số tiền là 3.325.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc ông H có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.375.000 đồng để bồi thường thiệt hại do thi công không đúng thỏa thuận.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S về yêu cầu ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền sửa chữa, lắp đặt ống thông hơi bể phốt với chi phí 5.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S đề ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Hoàng Văn H cư trú tại thôn 3, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 14/11/2021, hai bên thỏa thuận hợp đồng miệng về việc xây dựng một nhà xây cấp 4, tổng diện tích khoảng 130m² tại thôn 15, xã T, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Số tiền công hai bên thỏa thuận là 105.000.000 đồng. Do đó, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận và không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 55.700.000 đồng do việc thi công công trình không đúng thỏa thuận, không sử dụng được. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14/10/2021, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp đồng miệng về việc xây dựng cho nguyên đơn tại thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk 01 ngôi nhà cấp 4, tổng diện tích khoảng 130m², số tiền công theo thỏa thuận là 105.000.000 đồng. Trong quá trình xây dựng bị đơn đã ứng của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 53.000.000 đồng. Sau khi nguyên đơn nghiệm thu nhà và chuyển đồ vào nhà để ở thì nguyên đơn phát hiện nền nhà bị hư hỏng (rỗng ộp) và hầm rút bể phốt không có ống thông hơi. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tổng số tiền 55.700.000 đồng do việc thi công công trình không đúng thỏa thuận, không sử dụng được.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2023 thể hiện: Có 37 viên gạch men Ceramic (kích thước 60 x 60cm) bị hư hỏng (rỗng ộp) tương ứng với diện tích sàn nhà bị hư hỏng là 13,32m² (không tính 08 viên gạch đã được dỡ từ trước). Phần gạch bị bong tróc (rỗng ộp) phân bố ở nhiều vị trí khác nhau của nền nhà, phòng khám, đường luồng và phòng ngủ. Nhận thấy, quá trình xây dựng theo thỏa thuận nguyên đơn là người trực tiếp xây dựng công trình (cung ứng dịch vụ xây dựng) và có trách nhiệm thực hiện việc thi công đảm bảo chất lượng theo hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận. Đồng thời, trong quá trình thi công bị đơn có nghĩa vụ báo cho nguyên đơn về những thông tin, quy định về kỹ thuật có thể ảnh hưởng đến chất lượng của việc thi công nền nhà nói riêng và toàn bộ công trình nói chung. Như vậy, việc 37 viên gạch men Ceramic (kích thước 60 x 60cm) tại nền nhà của bị đơn bị hư hỏng (rỗng ộp) và không sử dụng được là lỗi kỹ thuật của bị đơn do quá trình thi công lát gạch không đúng kỹ thuật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cho rằng quá trình thi công đã tư vấn cho nguyên đơn về kỹ thuật trộn hồ và các chi tiết khác đúng kỹ thuật. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình. Đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung này. Vì vậy, bị đơn ông H là người trực tiếp nhận thi công phải có trách nhiệm đối với những hư hỏng, thiếu sót phát sinh sau khi thi công mà chưa được các bên thống nhất nghiệm thu, chưa đạt chất lượng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản cần sửa chữa đối với 37 viên gạch lát nền nhà bị hư hỏng (rỗng ộp) tương ứng với số tiền 3.325.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ chi phí sửa nền nhà với tổng số tiền 50.700.000 đồng là chưa chính xác và không có căn cứ để nhận. Bởi lẽ: Theo kết quả định giá tài sản ngày 16/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị tài sản để sửa chữa 37 viên gạch men Ceramic (kích thước 60 x 60cm) bị hư hỏng, rỗng ộp (bong tróc) có tổng giá trị: 3.325.000 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không cung

cấp các tài liệu, chứng để chứng minh cho thiệt hại về tài sản của mình. Nguyên đơn chỉ ước chừng được mức chi phí tháo dỡ, thi công lại toàn bộ diện tích 125m² là khoảng 50.700.000 đồng mà không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho các chi phí cần thiết để khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế đối với những vị trí gạch sàn nhà bị hư hỏng, bong tróc (rỗng ộp) có thể gây ảnh hưởng đến các vị trí khác của nền nhà. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đối với nội dung khởi kiện này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản cần sửa chữa đối với 37 viên gạch lát nền nhà bị hư hỏng, bong tróc (rỗng ộp) tương ứng với số tiền 3.325.000 đồng (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2023 và biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2023). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S về việc buộc bị đơn ông Hoàng Văn H có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.375.000 đồng để bồi thường thiệt hại do thi công không đúng thỏa thuận.

Đối với yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 5.000.000 đồng về chi phí sửa chữa lắp ống thông hơi bể phốt. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời yêu cầu trên đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 251/2022/DS-PT ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Việc rút đơn trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu này.

Đối với nội dung mép tường phòng khám của nguyên đơn bị hư hỏng, rỗng ộp (6x1/2) viên gạch, có diện tích bị hư hỏng là (6 viên x 1/2 viên x 0,36m²) = 1,08m² được xác định trong quá trình xem xét, thẩm định (theo nội dung biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2023) nhưng khi tiến hành định giá cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu gì với nội dung này, đồng thời không yêu cầu tiến hành định giá bổ sung hay định giá lại đối với các tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000 đồng. Nguyên đơn ông Ngô Văn S đã nộp số tiền là 2.800.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải chịu là 2.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do đó, ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Văn S số tiền 2.800.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Ngô Văn S được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Ngô Văn S phải chịu 2.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận (47.375.000 đồng x 5% = 2.368.000 đồng), được khấu trừ số tiền 1.393.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Ngô Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số 0019268 ngày 01/3/2023. Ông Ngô Văn S tiếp tục phải nộp số tiền 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 192, Điều 203, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 419, 513, 514, 516, 517 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn S.

- Buộc ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản cần sửa chữa đối với 37 viên gạch lát nền nhà bị hư hỏng, bong tróc (rộng ộp) tương ứng với số tiền 3.325.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S về việc buộc ông Hoàng Văn H có trách nhiệm thanh toán số tiền 47.375.000 đồng để bồi thường thiệt hại do thi công không đúng thỏa thuận.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S về yêu cầu ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền sửa chữa, lắp đặt ống thông hơi bê phốt với chi phí 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn S số tiền 2.800.000 đồng về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí:

- Buộc ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Ngô Văn S phải chịu 2.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 1.393.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Ngô Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn theo biên lai số 0019268 ngày 01/3/2023. Ông Ngô Văn S tiếp tục phải nộp số tiền 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại tòa phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

